TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Nam**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Hùng**
Ông **Nguyễn Văn Quyên**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Văn Vỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Trương Công Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Phương T**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Ngô Văn B**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Phương T và ông Ngô Văn B xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng sống tại thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ cuối năm 2018. Nay bà T xác định không còn thương yêu ông B nữa nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn B.

- Về con chung: Bà T và ông B có một con chung là cháu Ngô Phương Thùy D, sinh ngày 21/02/2011. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị Phương T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Phương T xác định không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Văn B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông B vẫn vắng mặt không có lý do và ông B cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo, trừ bị đơn ông Ngô Văn B đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt ông Ngô Văn B.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Phương T đối với ông Ngô Văn B.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Phương T được ly hôn với ông Ngô Văn B.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu: Ngô Phương Thùy D, sinh ngày 21/02/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa hôm nay bà T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con từ ông Ngô Văn B, xét thấy đấy là sự tự nguyện của bà T nên đề nghị HĐXX chấp nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Bùi Thị Phương T.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Bùi Thị Phương T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Bùi Thị Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Ngô Văn B, trú tại thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà T là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông B.

Về nội dung:

[3] Bà Bùi Thị Phương T và ông Ngô Văn B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 08/9/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T xác định là do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai người không có tiếng nói chung nên đã tự sống ly thân từ cuối năm 2018. Nay bà T xác định bà không còn tình cảm, thương yêu ông B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho ông Ngô Văn B có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông B vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó, thể hiện ông B không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Qua xác minh tại Ban nhân dân thôn C, xã H cho biết vợ chồng bà Bùi Thị Phương T và ông Ngô Văn B hiện sống ly thân, ông B đã không còn sống cùng bà T và đã chuyển về sinh sống tại thôn G, xã G, huyện G, thành phố Đà Nẵng từ cuối năm 2018. Xác minh tại Ban nhân dân thôn G, xã H cũng đã xác nhận hiện nay ông B đã về sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ tại thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa bà T và ông B đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Ngô Văn B là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Ngô Phương Thùy D, sinh ngày 21/02/2011. Từ khi vợ chồng sống riêng đến nay bà T đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con đén khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi hai con.

Xét nguyện vọng của bà T thì thấy: Bà T và ông B có một con chung, khi ly hôn cả ông B và bà T đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con. Nhưng việc giao con cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con.

Cả ông B và bà T đều có quyền nuôi con, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông B không có mặt, thể hiện ông B không có thiện chí, trách nhiệm và từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Bà T có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con. Bản thân cháu Ngô Phương Thùy D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, để đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho sự phát triển của con, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Ngô Phương Thùy D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị Phương T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông Ngô Văn B phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là là sự tự nguyện của bà T nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Bùi Thị Phương T.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T phải chịu.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị phù hợp với hướng nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 243, Điều 244, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Phương T đối với ông Ngô Văn B về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Phương T được ly hôn với ông Ngô Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Ngô Phương Thùy D, sinh ngày 21/02/2011 cho bà Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Bùi Thị Phương T đối với ông Ngô Văn B. Ông Ngô Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà Bùi Thị Phương T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai thu số 2449 ngày 06/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Bà Bùi Thị Phương T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/11/2019. Ông Ngô Văn B vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN NGỌC NAM

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H; huyện H, Tp.Đà Nẵng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.